

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày 18 – 8 – 2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung;

2. Bà Lê Thị Bích Lan;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-DS ngày 02/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 28/7/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần X (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng TMCP X).

Địa chỉ: Số 12a đường T, phường L, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Th - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đào T - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh DQ (theo giấy ủy quyền số: 339/UQ-X-PC ngày 01/11/2020 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP X).

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Tôn Quang Tr – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch L, thị trấn L, huyện Tư Nghĩa (theo giấy ủy quyền số: 453/UQ-DQU-HCNS ngày 19/02/2021 của Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh DQ), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn P, sinh năm: 1991, vắng mặt.

Và bà Lê Thị Bé V, sinh năm: 1992, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020, bản tự khai ngày 05/4/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP X trình bày:

Ngày 14/3/2021, ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V có ký kết với Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh DQ Hợp đồng tín dụng số 80/2018/DQ.NH. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cho ông P và bà V vay số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay 11 tháng; mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn mua bán hải sản; phương thức trả nợ: trả nợ gốc khách hàng phải trả nợ gốc cho Ngân hàng vào cuối kỳ; nợ lãi: 06 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày lên phiếu tính lãi (bill lãi). Ngày lên phiếu tính lãi là ngày 26 hàng tháng (nếu ngày 26 là ngày nghỉ thì ngày lên phiếu tính lãi là ngày làm việc kế tiếp). Áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn đối với cá nhân vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại ngày giải ngân vốn vay lần đầu, được ghi trên giấy nhận nợ và cố định trong thời hạn cho vay.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 250.000.000 đồng cho ông P và bà V vào ngày 14/3/2018 theo Giấy nhận nợ số 82. Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: 01 Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành là C 658005 do Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp ngày 09/3/2018 cho ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 049 cụ thể là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 9, tại xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 49/2018/HDTTC ký ngày 14/3/2018, việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Mặc dù thời hạn Hợp đồng chưa hết nhưng ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với Ngân hàng **từ ngày 11/01/2019**, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo đôn đốc nhưng ông P và bà V vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ quá hạn. Quá trình vay vốn đến nay, ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi như sau: Nợ gốc đã trả: 0 đồng; Nợ lãi đã trả: 11.058.904 đồng. Tổng cộng ông P và bà V đã trả cho Ngân hàng số tiền là: 11.058.904 đồng (*Mười một triệu không trăm năm mươi tám nghìn chín trăm lẻ bốn đồng*).

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa buộc ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 80/2018/DQ.NH ngày 14/3/2018 tạm tính đến ngày 17/8/2021, số tiền nợ gốc, lãi và lãi quá hạn là: 342.617.809 đồng (*Ba trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm mười bảy nghìn tám trăm lẻ chín đồng*). Ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/8/2021 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông P và bà V thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: 01 quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành là C 658005 do Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp ngày 09/3/2018 cho ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 049 cụ thể là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 9, tại xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn trình bày: Tại bản tự khai ngày 28/6/2021 bà Lê Thị Bé V trình bày: Bà thừa nhận bà và ông Võ Văn P có vay tại Ngân hàng TMCP X Chi nhánh DQ – Phòng giao dịch NH (nay đổi tên là Phòng giao dịch L) số tiền vay là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số 80/2018/DQ.NH ngày 14/3/2018, thời gian vay là 11 tháng. Khi vay có thể chấp quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 9, tại xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện bà và ông P đang nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 22/6/2021 là 337.267.124 đồng (*Ba trăm ba mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bốn đồng*), trong đó: nợ gốc là: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); lãi trong hạn: 59.876.713 đồng (*Năm mươi chín triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng*); lãi quá hạn: 27.390.411 đồng (*Hai mươi bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng*). Do làm ăn thua lỗ và diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid 19 nên bà và ông P không đủ khả năng trả lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng. Mặt khác hiện anh P đang đi biển không có mặt ở nhà để giải quyết vụ việc được. Nay Ngân hàng khởi kiện bà thống nhất với số nợ trên, do hiện nay hoàn cảnh kinh tế cũng rất khó khăn nên ông, bà không đủ điều kiện trả nợ cho Ngân hàng TMCP X. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 28/4/2021, Công an xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện:

Ông Võ Văn P, sinh năm 1991 hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện tại ông đang đi biển, thường xuyên đánh bắt xa bờ khoảng 15 ngày ông mới vào bờ một lần nên những lần Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xuống làm việc đều không làm việc được với ông P.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 275, Điều 463, 466, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; khoản 1, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 342.617.809 đồng, trong đó: nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 63.443.836 đồng và lãi quá hạn 29.173.973 đồng). Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nên không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, xét xử vắng mặt đương sự:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc, lãi và lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ có tranh chấp là: *“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”* được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V có nơi cư trú tại thôn T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi nhưng ông P và bà V đã ký kết với Ngân hàng TMCP X Hợp đồng tín dụng số 80/2018/DQ.NH ngày 14/3/2018 tại Ngân hàng TMCP X Chi nhánh DQ – Phòng giao dịch NH (nay đổi tên là Phòng giao dịch L) và việc thực hiện hợp đồng trên đều diễn ra tại Phòng giao dịch NH (nay đổi tên là Phòng giao dịch L) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về xét xử vắng mặt bị đơn: Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng số 80/2018/DQ.NH ngày 14/3/2018 với Ngân hàng, ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V có địa chỉ tại thôn T, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, căn cứ địa chỉ nêu trên Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông P và bà V nhưng ông P không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, bà Lê Thị Bé V có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V.

Về thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình tố tụng vụ án, các đương sự không thực hiện quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu, căn cứ khoản 2 Điều 184 BLTTDS Hội đồng xét xử không nhận định về thời hiệu.

[2] Về nội dung

Các bên ký kết Hợp đồng tín dụng số 80/2018/DQ.NH ngày 14/3/2018 và hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2018/HDTC ngày 14/3/2018 tại Ngân hàng TMCP X Chi nhánh DQ – Phòng giao dịch NH (nay đổi tên là Phòng giao dịch L), việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của các hợp đồng phù hợp với quy định nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 14/3/2018, Ngân hàng TMCP X Chi nhánh DQ – Phòng giao dịch NH (nay đổi tên là Phòng giao dịch L) và ông Võ Văn P, bà Lê Thị Bé V thỏa thuận lập hợp đồng tín dụng số 80/2018/DQ.NH. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cho ông P và bà V vay vốn với số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); thời hạn vay 11 tháng; mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn mua bán hải sản; phương thức trả nợ: trả

nợ gốc khách hàng phải trả nợ gốc cho Ngân hàng vào cuối kỳ; nợ lãi: 06 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày lên phiếu tính lãi (bill lãi). Ngày lên phiếu tính lãi là ngày 26 hàng tháng (nếu ngày 26 là ngày nghỉ thì ngày lên phiếu tính lãi là ngày làm việc kế tiếp). Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn đối với cá nhân vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại ngày giải ngân vốn vay lần đầu, được ghi trên giấy nhận nợ và cố định trong thời hạn cho vay. Thực hiện Hợp đồng nêu trên, ngày 14/3/2018 Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 250.000.000 đồng cho ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V theo Giấy nhận nợ số 82.

Sau khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm ông P và bà V vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP X. Tính đến ngày 11/01/2019, ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 11.058.904 đồng (*Mười một triệu không trăm năm mươi tám nghìn chín trăm lẻ bốn đồng*), trong đó tiền gốc là 0 đồng và tiền lãi 11.058.904 đồng. Từ ngày 11/01/2019, ông P và bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo cam kết tại hợp đồng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 80/2018/DQ.NH ngày 14/3/2018. Do đó, Ngân hàng TMCP X yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 17/8/2021, số tiền nợ gốc và lãi: 342.617.809 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 63.443.836 đồng, lãi quá hạn là 29.173.973 đồng. Và buộc ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/8/2021 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông P và bà V thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP X. Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, chấp nhận.

Đối với tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành C 658005 do Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi cấp ngày 09/3/2018 là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 9, tại xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Việc thế chấp được xác định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2018/HDTCT ký ngày 14/3/2018 tại Ngân hàng TMCP Ngân hàng TMCP X Chi nhánh DQ – Phòng giao dịch NH (nay đổi tên là Phòng giao dịch L), việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên nguyên đơn được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Ngân hàng đã tạm ứng chi phí tố tụng nên ông P và bà V có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự

Vụ án được xét xử theo thủ chung, căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V phải chịu: $(342.617.809 \text{ đồng} \times 5\%) = 17.130.891 \text{ đồng}$ (*Mười bảy triệu một trăm ba mươi nghìn tám trăm chín mươi một đồng*) tiền án phí dân sự.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 275, Điều 463, 466, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; khoản 1, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Buộc ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi 63.443.836 đồng và nợ lãi quá hạn 29.173.973 đồng tổng cộng: 342.617.809 đồng (*Ba trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm mười bảy nghìn tám trăm lẻ chín đồng*).

Buộc ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/8/2021 theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 80/2018/DQ.NH ngày 14/3/2018 cho đến ngày ông Võ Văn Ph và bà Lê Thị Bé V thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Trong trường hợp ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V không trả nợ, lãi hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP X thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2018/HDTTC ký ngày 14/3/2018 tại giai đoạn thi hành án để Ngân hàng thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

3. Về án phí

Ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V phải nộp 17.130.891 đồng (*Mười bảy triệu một trăm ba mươi nghìn tám trăm chín mươi một đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh DQ số tiền tạm ứng án phí 7.617.200 đồng (*Bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn hai trăm đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0005691 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa.

Ngân hàng TMCP X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Võ Văn P và bà Lê Thị Bé V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Hòa